

Bản án số: 159/2022/DS-PT

Ngày 28/6/2022

V/v “Tranh chấp ranh đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLPT- DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ranh đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng C - sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Hồng C: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 12 (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022, có mặt).

Cùng cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1954 (Có mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 13 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 11 (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022, có mặt).

Cùng cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

2. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1954 (Có mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị Mộng C1 – sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cẩm: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 11 (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2022, có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh C ..

4. Ông Phạm Văn X, sinh năm 16 (Có mặt).

5. Bà Lê Thị D, sinh năm 17 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Duy: Ông Phạm Văn X, sinh năm 16 (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022, có mặt).

Cùng cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

6. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 15 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Q là bị đơn và bà Nguyễn Thị H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hồng C trình bày: Vào năm 2001 ông C có nhận chuyển nhượng của ông Lâm Minh Ký phần đất 21 công tầm lớn, mỗi công giá 15 chỉ vàng 24k, sau khi chuyển nhượng đất ông C có thuê xáng vào múc cải tạo đất, chiều dài phần đất ông C chuyển nhượng của ông Ký là 11 công tầm 03 mét, phần đất của ông C chuyển nhượng của ông Ký có tứ cận giáp với bà Ánh, sau này ông C nghe nói bà Ánh chuyển nhượng phần đất giáp với ông C cho bà Nguyễn Thị Mộng C1 vào năm 2003, có mời ông C đến ký giáp ranh. Đến năm 2006 bà Cẩm chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho ông Nguyễn Văn Q, khi chuyển nhượng thì ông C không biết cũng không được mời để chứng ký giáp ranh. Ông Q đưa xáng vào cải tạo, cuốc cái bờ giáp với đất ông C xuống vuông, ông C có báo với chính quyền địa phương nhưng không có lập biên bản. Ông Q lấn chiếm của ông C phần đất từ mặt tiền trở lên hậu đất 134 mét, chiều ngang ở mặt tiền là 02 mét, chiều ngang ở mặt hậu khoảng 1,5 mét. Tổng diện tích khoảng 201 m². Trên phần đất tranh chấp không có công trình xây dựng hay cây trồng lâu năm, chỉ có khoảng 03 đến 04 cây dừa do ông Q trồng từ năm 2014 cho đến nay, khi ông Q trồng dừa ông C có ngăn cản, báo chính quyền địa phương nhưng không có lập biên bản đồng thời lúc đó xảy ra tranh chấp kéo dài cho đến nay. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông Q và bà H1 là vợ của Quang trả cho ông C phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 290,7 m², tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C ., ông C đồng ý trả lại tiền 03 cây dừa cho ông Q đã trồng trên đất theo giá trị đã định giá.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông không đồng ý theo lời trình bày của ông C trước đây cha mẹ vợ ông là ông Nguyễn Văn Lạc và bà Lâm Thị Khiết cho bà Ánh là chị vợ của ông 12 công đất tầm lớn, cho bà Tiếp là chị vợ của ông 03 công tầm lớn, cho bà Nguyễn Thị Nhung là em vợ của ông 03 công tầm lớn, sau đó bà Tiếp cho lại Nguyễn Thị Mộng C1 là con ruột của bà Tiếp 03 công đất trên, tiếp theo bà Nhung chuyển nhượng 03 công đất được cho lại cho Nguyễn Thị Mộng C1. Bà Cẩm canh tác đến năm 2006 thì chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất trên cho ông với giá là 60 chỉ vàng 24k. Bờ ranh giữa đất của ông với đất ông C

hiện vẫn còn, ở bên phần đất của ông có hai cái địa giáp với đất ông C hiện nay vẫn còn, khi đưa xáng cuộc vào cải tạo vuông thì ông kê bờ giáp với ông C cho rộng ra chứ không có đào xuống như ông C trình bày. Ông không thừa nhận có lần chiếm đất của ông C khi ông C yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân hòa giải thì ông trình bày đất của ông có chiều ngang 72 mét, cán bộ xã có đo đạc lại nói đất ông có chiều ngang 74 mét và nói thừa 02 mét nên cấm trụ đá, sau đó ông đo đạc lại thì chiều ngang đất của ông chỉ có 68 mét nên ông tháo dỡ các trụ đá đã cấm sau 04 ngày kể từ ngày cấm. Nay ông không đồng ý trả phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 290,7 m² cho ông C vì ông không có lần chiếm đất của ông C.

Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn X thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lê Hồng C không có ý kiến trình bày bổ sung.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng C đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Lê Hồng C phần đất tranh chấp có ranh giới, kích thước thể hiện theo các điểm M₅M₆M₉M₁₀ bản vẽ hiện trạng, diện tích là 290,7 m², đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C .. Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp một phần đất của ông Lê Hồng C cạnh M₅M₁₀ dài 135,93 mét.

Phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Q cạnh M₆M₉ dài 136,44 mét.

Phía Tây giáp phần đất của ông Lê Hồng C cạnh M₉M₁₀ dài 1,23 mét.

Phía Đông giáp Kinh Lung Ngang cạnh M₅M₆ dài 3,08 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại chi phí đo đạc, định giá phần đất tranh chấp tổng cộng là 16.247.000 đồng cho ông Lê Hồng C. Sau khi đối trừ với số tiền giá trị cây trồng trên đất là 1.050.000 đồng mà ông Lê Hồng C phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 thì ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Lê Hồng C số tiền là 15.197.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2022 bị đơn là ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q đại diện cho bà H1 xác định ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về diện tích phần đất tranh chấp và nguồn gốc đất phía đại diện nguyên đơn thống nhất với bị đơn, diện tích thực tế các bên đương sự đang quản lý sử dụng là đúng với sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp.

Tại đơn kháng cáo, ông Q và bà H1 cho rằng phần đất ông bà nhận chuyển nhượng từ bà Cầm thì phía đất bà Cầm cũng có bờ và đất ông C cũng có bờ, giữa đất ông C và đất của bà Cầm có hai cái bờ đôi, từ khi sang nhượng ông Q vẫn đưa xáng vào sên vuông tôm và bỏ lên bờ của ông giáp ra đất ông C hiện tại hai bờ đôi vẫn hiện hữu và giữa hai bờ là đường khai long chính là ranh thực tế giữa hai bên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Q lại trình bày khác với nội dung tại đơn kháng cáo, cụ thể: Ông Q thừa nhận hiện trạng phần đất ban đầu tại thời điểm nhận chuyển nhượng từ bà Cầm thì phía giáp ranh với ông C chỉ có bờ đất của ông C còn phía ông Q là mương nước chứ không có bờ. Ông Q cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng ông có cho xáng mức mương đắp tiếp ra từ phần bờ của ông C về phía phần đất của ông khoảng 03m đất. Như vậy, trình bày của ông Q tại phiên tòa hôm nay là bất nhất và không đúng như nội dung đơn kháng cáo của ông.

[2] Hơn nữa, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Q vẫn khẳng định phần đất của ông có chiều ngang là 72m. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân thì ông Q xác định chiều ngang phần đất của ông mặt giáp kinh Lung Ngang là 72m nên Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân đã tiến hành đo đạc và cắm mốc tại vị trí cắm mốc được các đương sự thống nhất, tuy nhiên sau đó 04 ngày ông Q tự ý nhổ cột mốc. Theo biên bản đo vẽ hiện trạng thực tế thì phần đất ông Q đang quản lý mặt tiếp giáp với kinh Lung Ngang có chiều dài 71,67 mét gần tương đương với chiều dài 72 mét như ông Q trình bày, đồng thời cũng chính xác ngay vị trí cột mốc mà Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân đã xác định (đã bị ông Q nhổ). Ông Q thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là từ vị trí cột mốc của UBND xã Lương Thế Trân cắm trước đây và nay là vị

trí M6 theo trích đo hiện trạng đo trở về phía phần đất của ông Q vẫn còn khoản 02m bờ đất do ông đắp mà không phải là mương nước như trình bày của ông tại đơn kháng cáo. Đối với phần nền mộ 650m² là phần diện tích đất bà Cầm xác định tại hồ sơ là nằm ngoài diện tích đất tranh chấp mà án sơ thẩm tuyên buộc ông Q giao trả cho ông C đồng thời cả ông Q và phía ông C đều xác định thời điểm trước khi bà Cầm chuyển nhượng đất thì phải đi nhờ bờ đất của ông C chứ không có bờ để đi, nếu không thì phải đi bằng phương tiện xuống ghe theo đường vuông. Đồng thời, bà Cầm cũng không có kháng cáo hay yêu cầu gì về bờ đất để làm đường đi ra nền mộ. Do vậy, kháng cáo của ông Q cho rằng phần đất tranh chấp không thể hiện vị trí khu nền mộ và không có đường bờ để đi ra khu mộ là không có căn cứ và cơ sở xem xét.

[3] Ngoài ra, ông Q có cung cấp văn bản xác nhận của bà Nguyễn Thị Năm là người chuyển nhượng đất cho ông C trước đây cho rằng chỉ sang nhượng cho ông C mặt tiền là 24 công, tuy nhiên qua trình bày của bà Năm tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác định khi chuyển nhượng cho ông C thì không ghi nhận số đo phần đất chiều ngang mặt tiền, chiều ngang mặt hậu và số đo cạnh dài là bao nhiêu mà chỉ ghi nhận tổng diện tích, qua thẩm vấn bà Năm cũng xác định từ khi chuyển nhượng đến hiện tại bà không quay về phần đất trên nên bà không biết hiện trạng đất thực tế ra sao. Do vậy, xét chứng cứ mới mà ông Q cung cấp được kiểm tra tại phiên tòa hôm nay cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà H1.

[4] Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Q thừa nhận đường ranh giới thửa đất từ trước đến nay không thay đổi, khi nhận chuyển nhượng từ bà Cầm thì ông và bà Cầm không trực tiếp đo đạc trên thực tế mà chỉ xem xét trên tờ bản đồ theo hiện trạng thửa đất cũ, ông C không tham gia đo đạc, chỉ ranh phần đất giáp với phần đất ông nhận chuyển nhượng từ bà Cầm và cũng không có các hộ kế cận xác định ranh giới phần đất tranh chấp. Khi nhận chuyển nhượng từ bà Cầm thì không có tiến hành cắm ranh trên thực địa, không có các hộ lân cận chứng kiến mà làm giấy chuyển nhượng ở chỗ khác, không phải trên phần đất tranh chấp. Khi ông Q nhận chuyển nhượng đất thì ông C đã quản lý, sử dụng phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C ổn định thời gian lâu dài. Trong khi đó, cho đến nay ông Q vẫn chưa làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất, chưa đo đạc thực địa và chưa được xác nhận, chứng kiến của các hộ giáp ranh phần đất nhận chuyển nhượng.

[5] Mặt khác, tại “Tờ sang nhượng đất” ngày 30 tháng 11 năm 2007 giữa bà Cầm, ông Q xác định trong diện tích chuyển nhượng có trừ ra 650m² mục đích là khu vực mã mồ của ông bà, bên bán chỉ tính 06 công tầm 03 mét. Như vậy thực tế bà Cầm chỉ chuyển nhượng cho ông Q phần đất diện tích 7.776m², do đó ông Q

hiện tại đang quản lý sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 9.666,1m² là thừa hơn rất nhiều so với diện tích đất ông Q nhận chuyển nhượng từ bà Cẩm.

[6] Căn cứ vào vị trí, hiện trạng diện tích đất chuyển nhượng trước đây và hiện trạng thực tế mà nguyên đơn, bị đơn đang trực tiếp quản lý sử dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở khẳng định án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông Q và bà H1 trả cho ông C phần đất đã lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế 290,7m² là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm như đã nhận định nên không có cơ sở xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà H1.

[7] Từ những nhận định như đã nêu trên, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q và bà H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hồng C không phải chịu, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin miễn án phí được chấp nhận nên không phải nộp. Tuy nhiên, án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chịu án phí sơ thẩm là không chính xác nên cần sửa lại phần án phí không buộc bà H1 phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng C đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Lê Hồng C phần đất tranh chấp có ranh giới, kích thước thể hiện theo các điểm M₅M₆M₉M₁₀

bản vẽ hiện trạng, diện tích là 290,7 m², đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh C .. Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp một phần đất của ông Lê Hồng C cạnh M₅M₁₀ dài 135,93m.

Phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Q cạnh M₆M₉ dài 136,44m.

Phía Tây giáp phần đất của ông Lê Hồng C cạnh M₉M₁₀ dài 1,23m.

Phía Đông giáp Kinh Lung Ngang cạnh M₅M₆ dài 3,08m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại chi phí đo đạc, định giá phần đất tranh chấp tổng cộng là 16.247.000 đồng cho ông Lê Hồng C. Sau khi đối trừ với số tiền giá trị cây trồng trên đất là 1.050.000 đồng mà ông Lê Hồng C phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 thì ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Lê Hồng C số tiền là 15.197.000 đồng.

Đối với số tiền nêu trên, kể từ ngày ông Lê Hồng C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Lê Hồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Hồng C có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005019 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Châu Minh Hoàng

